VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04977/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra tại Nhà máy XLNT TT KCN Hựu Thạnh
Toạ độ: X: 1191847 Y: 577173

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ(b)	°C	29,3	40	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu(b)	Pt/Co	7	50	SMEWW 2120C:2017
3	pH(b)	-	7,2	6 ÷ 9	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)(b)	mg/L	8	27	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	20	67,5	SMEWW 5220C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	6	45	SMEWW 2540D:2017
7	Asen (As)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	0,045	SMEWW 3125B:2017
8	Thủy ngân (Hg)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	0,0045	SMEWW 3125B:2017
9	Chì (Pb)(b)	mg/L	0,0003	0,09	SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	0,045	SMEWW 3125B:2017
11	Cr^{3+}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,18	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Cr^{6+}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,045	SMEWW 3500Cr.B:2017
13	Đồng (Cu)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	1,8	SMEWW 3111B:2017
14	Kẽm (Zn)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	2,7	SMEWW 3111B:2017
15	Niken (Ni)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,18	SMEWW 3111B:2017
16	Mangan (Mn)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,45	SMEWW 3111B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	Phương pháp phân tích
17	Sắt (Fe)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,9	SMEWW 3111B:2017
18	CN^{-}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,063	SMEWW 4500-CN^{-}.C&E:2017
19	Tổng Phenol(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	0,09	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	4,5	SMEWW 5520B&F:2017
21	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	0,18	TCVN 6637 : 2000
22	Florua (F^{-})(b)	mg/L	0,33	4,5	SMEWW 4500-F^{-}.B&D:2017
23	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(b)	mg/L	0,011	4,5	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
24	Tổng Nitơ(b)	mg/L	9,9	18	TCVN 6624-2:2000
25	Tổng Photpho(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	3,6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
26	Clorua (Cl^{-})(b)	mg/L	159	450	SMEWW 4500-Cl^{-}.B:2017
27	Clo dư(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,9	SMEWW 4500-Cl^{-}.G:2017
28	Coliform(b)	MPN/100 mL	49	3.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h50' ngày 14/10/2025
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04978/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào tại Nhà máy XLNT TT KCN Hựu Thạnh
Toạ độ: X: 1191757 Y: 577070

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ[a,b]	°C	30,5	40	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu[b]	Pt/Co	8	50	SMEWW 2120C:2017
3	pH[b]	-	7,4	6 ÷ 9	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)[b]	mg/L	16	27	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)[b]	mg/L	39	67,5	SMEWW 5220C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[b]	mg/L	10	45	SMEWW 2540D:2017
7	Asen (As)[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	0,045	SMEWW 3125B:2017
8	Thủy ngân (Hg)[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	0,0045	SMEWW 3125B:2017
9	Chì (Pb)[a,b]	mg/L	0,0003	0,09	SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	0,045	SMEWW 3125B:2017
11	Cr^{3+}[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,18	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Cr^{6+}[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,045	SMEWW 3500Cr.B:2017
13	Đồng (Cu)[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	1,8	SMEWW 3111B:2017
14	Kẽm (Zn)[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	2,7	SMEWW 3111B:2017
15	Niken (Ni)[a,b]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,18	SMEWW 3111B:2017
16	Mangan (Mn)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,45	SMEWW 3111B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	Phương pháp phân tích
17	Sắt (Fe)(b)	mg/L	0,59	0,9	SMEWW 3111B:2017
18	CN^{-}(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,063	SMEWW 4500-CN^{-}.C&E:2017
19	Tổng Phenol(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	0,09	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	4,5	SMEWW 5520B&F:2017
21	Sunfua (S^{2-})(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	0,18	TCVN 6637 : 2000
22	Florua (F^{-})(b)	mg/L	0,29	4,5	SMEWW 4500-F^{-}.B&D:2017
23	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(b)	mg/L	1,87	4,5	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
24	Tổng Nito(b)	mg/L	6,2	18	TCVN 6624-2:2000
25	Tổng Photpho(b)	mg/L	0,098	3,6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
26	Clorua (Cl^{-})(a,b)	mg/L	123	450	SMEWW 4500-Cl^{-}.B:2017
27	Clo dư(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,9	SMEWW 4500-Cl^{-}.G:2017
28	Coliform(b)	MPN/100 mL	4 x 10^2	3.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 10h10' ngày 14/10/2025
(a)- Thông số được Vilas công nhận; (b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04979/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Hố ga đấu nối nước thải với hệ thống thu gom chung của KCN – Công ty Cổ phần Bán lẻ kỹ thuật số FPT
Toạ độ: X: 1190797 Y: 576234

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	
1	Nhiệt độ[a,b]	°C	31,2	40	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu[b]	Pt/Co	225	50	SMEWW 2120C:2017
3	pH[b]	-	6,8	6 ÷ 9	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)[b]	mg/L	105	27	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)[b]	mg/L	215	67,5	SMEWW 5220C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[b]	mg/L	71	45	SMEWW 2540D:2017
7	Mangan (Mn)[b]	mg/L	2,44	0,45	SMEWW 3111B:2017
8	Sắt (Fe)[b]	mg/L	17,9	0,9	SMEWW 3111B:2017
9	Tổng dầu mỡ khoáng[b]	mg/L	7,6	4,5	SMEWW 5520B&F:2017
10	Sunfua (S^{2-})[b]	mg/L	1,81	0,18	TCVN 6637 : 2000
11	Amoni (NH_4^+ tính theo N)[b]	mg/L	51,3	4,5	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	
12	Tổng Nito(b)	mg/L	72,4	18	TCVN 6624-2:2000
13	Tổng Photpho(b)	mg/L	0,258	3,6	SMEWW 4500-P.B&E:2017

Ghi chú:

Thời gian lấy mẫu: 11h00' ngày 14/10/2025

(a)- Thông số được Vilas công nhận; (b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04980/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Hố ga đấu nối nước thải với hệ thống thu gom chung của KCN – Công ty TNHH HD Long An

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	Độ màu(b)	Pt/Co	174	50	SMEWW 2120C:2017
2	pH(b)	-	7,2	6 ÷ 9	TCVN 6492:2011
3	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)(b)	mg/L	174	27	SMEWW 5210B:2017
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	341	67,5	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	152	45	SMEWW 2540D:2017
6	Asen (As)(a,b)	mg/L	0,002	0,045	SMEWW 3125B:2017
7	Thủy ngân (Hg)(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	0,0045	SMEWW 3125B:2017
8	Chì (Pb)(a,b)	mg/L	0,0086	0,09	SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0001)	0,045	SMEWW 3125B:2017
10	Cr^{3+}(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,18	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
11	Cr^{6+}(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,045	SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Đồng (Cu)(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,02)	1,8	SMEWW 3111B:2017
13	Kẽm (Zn)(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	2,7	SMEWW 3111B:2017
14	Niken (Ni)(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,18	SMEWW 3111B:2017
15	Mangan (Mn)(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,45	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)(a,b)	mg/L	2,3	0,9	SMEWW 3111B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	Phương pháp phân tích
17	$CN^{-(a,b)}$	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,063	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
18	Tổng Phenol$^{(a,b)}$	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	0,09	TCVN 6216:1996
19	Tổng dầu mỡ khoáng$^{(b)}$	mg/L	5,7	4,5	SMEWW 5520B&F:2017
20	Sunfua (S^{2-})$^{(a,b)}$	mg/L	1,51	0,18	TCVN 6637 : 2000
21	Florua (F^-)$^{(a,b)}$	mg/L	1,44	4,5	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017
22	Amoni (NH_4^+ tính theo N)$^{(b)}$	mg/L	73,5	4,5	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
23	Tổng Nitơ$^{(b)}$	mg/L	93,4	18	TCVN 6624-2:2000
24	Tổng Photpho$^{(b)}$	mg/L	5,59	3,6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
25	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ$^{(a,b)}$	mg/L	KPH (MDL = 0,000001)	0,045	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270E
26	Hoá chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ$^{(a,b)}$	mg/L	KPH (MDL = 0,000005)	0,27	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270E
27	PCBs$^{(a,b)}$	mg/L	KPH (MDL = 0,00008)	0,0027	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8270E

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 13h25' ngày 14/10/2025
(a)- Thông số được Vilas công nhận; (b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04981/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Hố ga đấu nối nước thải với hệ thống thu gom chung của KCN – Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntony PepsiCo Việt Nam - Chi nhánh Long An

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	Độ màu(b)	Pt/Co	7	50	SMEWW 2120C:2017
2	pH(b)	-	7,2	6 ÷ 9	TCVN 6492:2011
3	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD_5)(b)	mg/L	7	27	SMEWW 5210B:2017
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)(b)	mg/L	18	67,5	SMEWW 5220C:2017
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(b)	mg/L	6	45	SMEWW 2540D:2017
6	Mangan (Mn)(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	0,45	SMEWW 3111B:2017
7	Sắt (Fe)(a,b)	mg/L	0,2	0,9	SMEWW 3111B:2017
8	CN^{-}(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	0,063	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017
9	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	4,5	SMEWW 5520B&F:2017
10	Sunfua (S^{2-})(a,b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	0,18	TCVN 6637 : 2000
11	Amoni (NH_4^+ tính theo N)(b)	mg/L	0,061	4,5	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
12	Tổng Nitơ(b)	mg/L	3,6	18	TCVN 6624-2:2000
13	Tổng Photpho(b)	mg/L	0,068	3,6	SMEWW 4500-P.B&E:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	Phương pháp phân tích
				Cột A, Kq=1 và Kf=0,9	
14	Coliform[a,b]	MPN/100 mL	20	3.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 11h50' ngày 14/10/2025
(a)- Thông số được Vilas công nhận; (b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04982/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước sạch
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Ví trí cấp nước cho Công ty NGK Suntony PepsiCo Việt Nam - Chi nhánh Long An - Đường D5, KCN Hựu Thạnh

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Mùi vị	-	không mùi vị	SMEWW 2150 B và 2160 B:2017
2	Độ đục[(a)]	NTU	KPH (MDL = 2)	SMEWW 2130B:2017
3	Độ màu[(a)]	Pt-Co	KPH (MDL = 5)	SMEWW 2120C:2017
4	pH[(a)]	-	7,2	TCVN 6492:2011
5	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)[(a)]	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
6	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
7	Chỉ số Pemanganat[(a)]	mg/L	KPH (MDL = 0,06)	TCVN 6186:1996
8	Clo dư[(a)]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl G:2017
9	Coliform [(a)]	CFU/250mL	KPH (MDL = 1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
10	E.Coli[(a)]	CFU/100mL	KPH (MDL = 1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.*

Thời gian lấy mẫu: 10h15' ngày 14/10/2025

(a)- Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04983/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước sạch
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Ví trí cấp nước đường D6 - KCN Hựu Thạnh

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Mùi vị	-	không mùi vị	SMEWW 2150 B và 2160 B:2017
2	Độ đục[(a)]	NTU	KPH (MDL = 2)	SMEWW 2130B:2017
3	Độ màu[(a)]	Pt-Co	KPH (MDL = 5)	SMEWW 2120C:2017
4	pH[(a)]	-	7,1	TCVN 6492:2011
5	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)[(a)]	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
6	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
7	Chỉ số Pemanganat[(a)]	mg/L	KPH (MDL = 0,06)	TCVN 6186:1996
8	Clo dư[(a)]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl G:2017
9	Coliform (CFU[(a)]	CFU/250mL	KPH (MDL = 1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
10	E.Coli[(a)]	CFU/100mL	KPH (MDL = 1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.*

Thời gian lấy mẫu: 10h30' ngày 14/10/2025

(a)- Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04984/2025/PKQ (25.1680)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: KCN Hựu Thạnh
Thời gian lấy mẫu: 14/10/2025
Thời gian thử nghiệm: 14/10/2025 – 24/10/2025
Loại mẫu: Nước sạch
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Ví trí cấp nước đường N2 - KCN Hựu Thạnh

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Mùi vị	-	không mùi vị	SMEWW 2150 B và 2160 B:2017
2	Độ đục[(a)]	NTU	KPH (MDL = 2)	SMEWW 2130B:2017
3	Độ màu[(a)]	Pt-Co	KPH (MDL = 5)	SMEWW 2120C:2017
4	pH[(a)]	-	6,9	TCVN 6492:2011
5	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)[(a)]	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
6	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	SMEWW 3125B:2017
7	Chỉ số Pemanganat[(a)]	mg/L	KPH (MDL = 0,06)	TCVN 6186:1996
8	Clo dư[(a)]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl G:2017
9	Coliform [(a)]	CFU/250mL	KPH (MDL = 1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
10	E.Coli[(a)]	CFU/100mL	KPH (MDL = 1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.*

Thời gian lấy mẫu: 10h40' ngày 14/10/2025

(a)- Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.